

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17-12-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Pho

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Huy Xuân

Bà Lê Thị Yến Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2018, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 373/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 38/2018/QĐST-HPT ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Tổ 07, thôn Xuân T, xã Xuân S, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc A, sinh năm 1972

Nơi cư trú: Tổ 07, thôn Xuân T, xã Xuân S, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông A vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các văn bản làm việc tại tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Ngọc A qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau đã tiến đến hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau từ năm 1997, đăng ký kết hôn vào ngày 03/6/2002 tại UBND xã Xuân S, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông A thường xuyên nhậu nhẹt, có những hành vi bạo lực gia đình, đánh đập bà H nhiều lần, cãi vã nhau, không tin tưởng nhau. Tình trạng như vậy đã kéo dài nhiều năm. Vì thương con còn nhỏ nên bà H đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để giữ gìn hạnh phúc gia đình cho con cái nhưng không thành. bà H và ông A đã ly thân với nhau khoảng 01 năm nay. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H yêu cầu ly hôn với ông A.

Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa bà H và ông A có 02 người con chung là Huỳnh Quang L, sinh năm 2000; Huỳnh Thanh D, sinh ngày 30/01/2005. Cháu L hiện nay đã trưởng thành sống tự lập không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu D bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung:

Thửa đất số 26584.13A.119, tờ bản đồ số 13A, với diện tích là 293m², đất tọa lạc tại xã Xuân S, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, được UBND huyện Châu Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 879842 ngày 03/12/2008, trên đất có 01 căn nhà cấp 4.

Thửa đất số 26584.13A.48, tờ bản đồ số 13A, với diện tích là 2.204m². Đất tọa lạc tại xã Xuân S, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và được UBND huyện Châu Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 302049 ngày 12/6/2008. Thửa đất gồm 02 thửa đất số 26587.01.282 và 26587.01.286, tờ bản đồ số 01 với tổng diện tích là 1.901m². Đất tọa lạc tại xã Xuân S, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và được UBND huyện Châu Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 418893 ngày 09/12/2009.

Thửa đất số 26587.01.283, tờ bản đồ số 01 với diện tích là 66m². Đất tọa lạc tại xã Xuân S, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và được UBND huyện Châu Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 262659 ngày 15/7/2009.

Bà Nguyễn Thị H có nguyện vọng được sở hữu diện tích đất 283m², thuộc thửa đất số 26584.13A.119, tờ bản đồ số 13A. Đất tọa lạc tại xã Xuân S, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, được UBND huyện Châu Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 879842 ngày 03/12/2008, trên đất có 01 căn nhà cấp 4. Bà Nguyễn Thị H đồng ý giao các thửa đất còn lại cho ông A sử dụng.

Ngày 15/10/2018 bà Nguyễn Thị H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là không tranh chấp về tài sản chung, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo lời khai của ông Huỳnh Ngọc A trình bày:

Ông Huỳnh Ngọc A đồng ý theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị H về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Thời gian đầu ông A bà H chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu là do bất đồng quan điểm, cãi vã nhau, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Ông A bà H đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để giữ gìn hạnh phúc gia đình cho con cái nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông A thì ông A cũng đồng ý.

Về con chung: Ông A và bà H có 02 người con chung là Huỳnh Quang L, sinh ngày 13/9/2000 và Huỳnh Thanh D, sinh ngày 30/01/2005. Hiện cháu L đã trưởng thành nên ông A không yêu cầu giải quyết. Ông A đồng ý giao cháu D cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết trong vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng nên làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà H, Tòa án triệu tập ông A để làm việc, ông A đến Tòa làm việc một lần và đồng ý ly hôn, nhưng không thỏa thuận được việc chia tài sản chung, Tòa án triệu tập làm việc tiếp theo thì ông A không đến Tòa, đồng thời bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện là không tranh chấp tài sản chung. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông A ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Về con chung: Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Huỳnh Thanh D cũng như sự thỏa thuận của ông A, bà H cùng nguyện vọng của cháu D nên cần giao cháu D cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông A không cấp dưỡng nuôi con chung, riêng cháu Huỳnh Quang L đã trưởng thành sống tự lập không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Do bà H rút yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần tranh chấp tài sản chung. Về nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Ngọc A sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, nay bà H xin ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; nơi cư trú của ông Huỳnh Ngọc A là xã Xuân S, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử là đúng theo quy định tại các Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Ngọc A sống chung với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện từ năm 1997, nhưng đến ngày

03/6/2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân S, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên bà H và ông A đã ly thân nhau từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà H, Tòa án triệu tập ông A để làm việc ông A đồng ý ly hôn và đề nghị tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, tình trạng hôn nhân bà H và ông A ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống thì bà H và ông A có 02 người con chung là Huỳnh Quang L, sinh ngày 13/9/2000 và Huỳnh Thanh D, sinh ngày 30/01/2005. Hiện cháu L đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết. Bà H có nguyện vọng nuôi cháu Huỳnh Thanh D, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, từ khi bà H và ông A ly thân từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay thì bà H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D, cuộc sống cháu D ổn định. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu D cũng như sự thỏa thuận của ông A, bà H, cùng nguyện vọng của cháu D nên cần giao cháu D cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông A không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Do nguyên đơn bà Nguyễn Thị H rút phần yêu cầu tranh chấp tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Bà H phải nộp 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc A.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Ngọc A có 02 người con chung là Huỳnh Quang L, sinh ngày 13/9/2000 và Huỳnh Thanh D, sinh ngày 30/01/2005. Hiện cháu L đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Thanh D, sinh ngày 30/01/2005 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Ông Huỳnh Ngọc A không cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết

định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp tài sản chung.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí là 5.300.000 đồng mà bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số 0004936 ngày 17/9/2018. Như vậy bà Nguyễn Thị H được hoàn trả 5.000.000 đồng tạm ứng án phí.

Hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/12/2018); Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Ngọc A vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA.tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- VKSND H. Châu Đức;
- Chi cục THA Dân sự H. Châu Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân S, huyện Châu Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Hữu Pho